

<b>SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>	<b>QUY TRÌNH</b>	Mã hiệu: QT KHTC-09
	<b>Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác</b>	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: /9/2021
		Trang: 1/8

1. Những người có liên quan phải đọc, hiểu và thực hiện theo đúng nội dung của tài liệu này
2. Nội dung trong tài liệu này có hiệu lực như sự chỉ đạo của Giám đốc.
3. Tài liệu được sử dụng phải được phê duyệt, các bản sao phải có dấu hiệu kiểm soát.

**PHÂN PHỐI:**

NƠI NHẬN	SỐ BẢN
Giám đốc	01
Phó Giám đốc	03
Thư ký ISO	01
Phòng Kế hoạch - Tài chính	01

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
<b>Họ tên</b>	Nguyễn Minh Quát	Bùi Hành Quân	Nguyễn Tấn Liêm
<b>Chữ ký</b>			
<b>Chức vụ</b>	Chuyên viên	Trưởng Phòng	Giám đốc



<b>SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>	<b>QUY TRÌNH</b>	Mã hiệu: QT KHTC-09
	<b>Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác</b>	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: /9/2021
		Trang: 3/8

Quy định trách nhiệm, trình tự giải quyết hồ sơ Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

## 2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng đối với: Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Trách nhiệm áp dụng: Tất cả công chức, người lao động thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

## 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

Các văn bản pháp quy đề cập tại mục 5.1 của Quy trình này.

## 4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

TTHC: Thủ tục hành chính.

UBND tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh.

QT KHTC: Quy trình Kế hoạch - Tài chính.

## 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

<b>5.1</b>	<b>Cơ sở pháp lý</b>		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.</li> <li>- Quyết định số 2762/QĐ-BNN-TCLN ngày 22/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul>		
<b>5.2</b>	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao</b>
	<p><b><i>a) Hồ sơ tổ chức, cá nhân nộp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum để chuyển đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm:</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng của tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng.</li> <li>- Báo cáo đề xuất dự án đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi kèm theo văn bản thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư: Chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư; Chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Quyết định đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư công; Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp còn hiệu lực thực hiện).</li> <li>- Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của dự</li> </ul>	<b>x</b>	

<b>SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>	<b>QUY TRÌNH</b>	Mã hiệu: QT KHTC-09
	<b>Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác</b>	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: /9/2021
		Trang: 4/8

	<p>án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư, đầu tư công.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/2.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng dưới 500 ha, tỷ lệ 1/5.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng từ 500 ha trở lên), kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng).</li> </ul>		
	<p><b>b) Hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi đến Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</li> <li>- Báo cáo thẩm định của UBND cấp tỉnh về nội dung trình phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng.</li> <li>- Văn bản đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng của tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng.</li> <li>- Báo cáo đề xuất dự án đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi kèm theo văn bản thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư: Chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư; Chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Quyết định đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư công; Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp còn hiệu lực thực hiện).</li> <li>- Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư, đầu tư công.</li> <li>- Báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/2.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng dưới 500 ha, tỷ lệ 1/5.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng từ 500 ha trở lên), kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng).</li> </ul>	<b>x</b>	
	<p><b>c) Hồ sơ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ, gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul>	<b>x</b>	

<b>SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>	<b>QUY TRÌNH</b>	Mã hiệu: QT KHTC-09
	<b>Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác</b>	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: /9/2021
		Trang: 5/8

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản thẩm định (biên bản họp Hội đồng thẩm định hoặc báo cáo tổng hợp ý kiến thẩm định của các bộ, ngành, địa phương liên quan).</li> <li>- Dự thảo Báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội (đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng của Quốc hội)</li> <li>- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</li> <li>- Báo cáo thẩm định của UBND cấp tỉnh về nội dung trình phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng.</li> <li>- Văn bản đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng của tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng.</li> <li>- Báo cáo đề xuất dự án đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi kèm theo văn bản thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư: Chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư; Chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Quyết định đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư công; Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp còn hiệu lực thực hiện).</li> <li>- Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư, đầu tư công.</li> <li>- Báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/2.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng dưới 500 ha, tỷ lệ 1/5.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng từ 500 ha trở lên), kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng).</li> <li>- Văn bản của các Bộ, ngành, địa phương liên quan (nếu có).</li> </ul>		
	<p><b><i>d) Hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, gồm:</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</li> <li>- Báo cáo thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về nội dung trình phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng.</li> </ul>	<b>x</b>	

<b>SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>	<b>QUY TRÌNH</b>	Mã hiệu: QT KHTC-09
	<b>Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác</b>	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: /9/2021
		Trang: 6/8

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng của tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng;</li> <li>- Báo cáo đề xuất dự án đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi kèm theo văn bản thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư: Chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư; Chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Quyết định đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư công; Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp còn hiệu lực thực hiện).</li> <li>- Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư, đầu tư công.</li> <li>- Báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/2.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng dưới 500 ha, tỷ lệ 1/5.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng từ 500 ha trở lên), kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng).</li> </ul>			
<b>5.3</b>	<b>Số lượng hồ sơ</b>			
	01 bộ			
<b>5.4</b>	<b>Thời gian xử lý</b>			
	Theo quy chế làm việc của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh.			
<b>5.5</b>	<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả</b>			
	Phòng Kế hoạch – Tài chính Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
<b>5.6</b>	<b>Lệ phí</b>			
	Không			
<b>5.7</b>	<b>Quy trình xử lý công việc</b>			
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/Kết quả</b>
*	<b>Trường hợp thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng chính phủ</b>			
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và pahán công xử lý.	Lãnh đạo Phòng Kế hoạch - Tài chính,	½ ngày làm việc	Mục 5.2
Bước 2	Xem xét các thành phần, nội dung hồ	Chuyên viên Phòng Kế hoạch -	01 ngày làm việc	Mục 5.2

<b>SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>	<b>QUY TRÌNH</b>		Mã hiệu: QT KHTC-09
	<b>Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác</b>		Lần ban hành: 01
			Ngày ban hành: /9/2021
			Trang: 7/8

	sơ.	Tài chính		
Bước 3	Tổ chức thẩm định	Phòng KH-TC, Lãnh đạo Sở và các đơn vị liên quan	17 ngày làm việc	Biên bản thẩm định
Bước 4	Dự thảo Tờ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	Phòng Kế hoạch - Tài chính	01 ngày làm việc	Dự thảo Tờ trình, trình UBND tỉnh
Bước 5	Trình Ủy ban nhân dân tỉnh.	Lãnh đạo Sở	½ ngày làm việc	Tờ trình, trình UBND tỉnh
Bước 6	Lấy số chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn thư Sở	½ ngày làm việc	Tờ trình, Tổng hợp ý kiến/dự thảo Quyết định hoặc văn bản trả lời/Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ ( <i>kèm theo toàn bộ hồ sơ</i> ).
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC trong nội Sở</b>			<b>20,5 ngày làm việc</b>	
*	<b>Trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh</b>			
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ từ Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và pahán công xử lý.	Lãnh đạo Phòng Kế hoạch - Tài chính,	½ ngày làm việc	Mục 5.2
Bước 2	Xem xét các thành phần, nội dung hồ sơ.	Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Tài chính	05 ngày làm việc	Mục 5.2
Bước 3	Tổ chức thẩm định	Phòng KH-TC, Lãnh đạo Sở và các đơn vị liên quan	26 ngày làm việc	Biên bản thẩm định
Bước 4	Dự thảo Tờ trình trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét chủ trương	Phòng Kế hoạch - Tài chính	01 ngày làm việc	Dự thảo Tờ trình, trình UBND tỉnh

<b>SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>	<b>QUY TRÌNH</b>		Mã hiệu: QT KHTC-09
	<b>Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác</b>		Lần ban hành: 01
			Ngày ban hành: /9/2021
			Trang: 8/8

	chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.			
Bước 5	Trình Ủy ban nhân dân tỉnh.	Lãnh đạo Sở	½ ngày làm việc	Tờ trình, trình UBND tỉnh.
Bước 6	Lấy số chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn thư Sở	½ ngày làm việc	Tờ trình, Tổng hợp ý kiến/dự thảo Quyết định hoặc văn bản trả lời/Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (kèm theo toàn bộ hồ sơ).
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC trong nội Sở</b>			<b>23,5 ngày làm việc</b>	

## 6. BIỂU MẪU VÀ PHỤ LỤC: Không

## 7. HỒ SƠ LƯU

<b>TT</b>	<b>Tài liệu trong hồ sơ</b>
1	Hồ sơ theo mục 5.2
2	Tờ trình, Biên bản họp thẩm định/ dự thảo Quyết định hoặc văn bản trả lời
<i>Hồ sơ được lưu tại Phòng Kế hoạch – Tài chính Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống kho lưu trữ của cơ quan.</i>	